TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU
PHẬT HỌC
CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA TRUNG ƯƠNG GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
ISSN: 2734-9195

Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử (Việt Nam) và Nhật Liên Tông (Nhật Bản): Một số nét tương đồng và dị biệt

ISSN: 2734-9195 11:40 22/12/2025

Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử và Nhật Liên Tông nổi bật lên như những viên ngọc sáng trong công cuộc nội địa hóa Phật giáo ở cả Việt Nam và Nhật Bản.

Nhóm tác giả: **Nguyễn Thị Thu, Trịnh Thị Anh Linh, Okabe Chikara**

Lớp K64 Việt Nam học, Khoa Việt Nam học và Tiếng Việt, ĐHKHXHNV – ĐHQGHN

Tóm tắt

Cùng nằm trong **cộng đồng Đông Á** "*đồng văn*", văn hóa Việt Nam và Nhật Bản đều chịu ảnh hưởng sâu sắc từ Phật giáo, mà sự ra đời của Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử (Việt Nam) và Nhật Liên Tông (Nhật Bản) chính là minh chứng hùng hồn khẳng định rằng Phật giáo khi đi vào những môi trường khác nhau sẽ có những diện mạo và con đường vận động rất riêng. Từ lăng kính tiếp cận liên ngành, bài viết này cố gắng chỉ ra những nét giống và khác giữa Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử và Nhật Liên Tông, đồng thời đặt hai tông phái này trong bối cảnh lịch sử - văn hóa của từng quốc gia để lý giải nguyên nhân dẫn đến sự tương đồng và dị biệt ấy.

Từ khóa: Phật giáo, **Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử**, Nhật Liên Tông, tương đồng, dị biệt.

1. Đặt vấn đề

Phật giáo có mặt ở Việt Nam từ rất sớm. Trải qua hơn 2000 năm lịch sử tồn tại và phát triển, đạo Phật đã thẩm thấu, hòa quyện và trở thành một bộ phận hết sức quan trọng, góp phần định hình nên diện mạo văn hóa Việt Nam. Tuy nhiên, người Việt không tiếp nhận Phật giáo một cách đơn thuần mà luôn có sự tiếp biến để phù hợp với nhu cầu của đất nước. Sự ra đời của Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử là ví dụ điển hình nói lên rằng Phật giáo Việt Nam có một diện mạo và

con đường vận động riêng. Cùng nằm trong cộng đồng Đông Á "*đồng văn*", Nhật Bản cũng là quốc gia có "*nhân duyên sâu dày*" với Phật giáo.

Quê hương của trà đạo tiếp nhận đạo Phật từ rất sớm và có số lượng tín đồ Phật giáo lên tới 89.650.000 người (chỉ xếp sau Trung Quốc). Nếu không có Phật giáo, văn hóa Nhật Bản chắc hẳn sẽ rất khác so với những gì nó đã và đang biểu hiện. Tương tự như Việt Nam, đạo Phật khi du nhập vào Nhật Bản cũng kết hợp hài hòa với văn hóa bản địa, hình thành nên những nét đặc trưng mang đậm bản sắc Nhật Bản, trong đó tiêu biểu là sự ra đời của Nhật Liên Tông - một tông phái Phật giáo do người Nhật Bản sáng lập.

Rõ ràng, nếu đem Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử của Việt Nam và Nhật Liên Tông của Nhật Bản đặt cạnh nhau, chúng ta sẽ phát hiện ra các điểm giống và khác giữa hai tông phái này, từ đó nhận diện những nét đặc sắc trong công cuộc nội địa hóa Phật giáo ở mỗi nước. Không những thế, điều này còn mở ra một cánh cửa cho phép chúng ta suy ngẫm về những điểm tương đồng và khác biệt trong lịch sử và văn hóa giữa Việt Nam và Nhật Bản. Đây rõ ràng là một công việc thiết yếu, có thể đóng góp phần nào cho tiến trình đối thoại, thông hiểu và hợp tác sâu rộng của hai quốc gia.

2. Hướng tiếp cận và phương pháp nghiên cứu

2.1 Hướng tiếp cận

Nhóm tác giả áp dụng phương pháp tiếp cận liên ngành và khu vực học để phân tích đối tượng nghiên cứu. Cụ thể, chúng tôi xem xét đối tượng nghiên cứu từ lăng kính của nhiều ngành khoa học: lịch sử, triết học, tôn giáo học, văn hóa học. Dưới lăng kính lịch sử giúp chúng tôi nhìn ra được bối cảnh ra đời, lịch sử phát triển của Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử và Nhật Liên Tông. Lăng kính triết học và tôn giáo học giúp chúng tôi nhận ra được những đặc trưng về giáo lý và phương pháp tu tập của Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử và Nhật Liên Tông. Còn với lăng kính văn hóa học, công trình phát hiện ra các giá trị độc đáo và những đóng góp nổi bật của hai tông phái này đối với văn hóa mỗi quốc gia.

2.2 Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp nghiên cứu tài liệu

Nhóm tác giả tiến hành thu thập các tài liệu liên quan đến đề tài từ nhiều nguồn như: sách, báo, công trình nghiên cứu, tạp chí khoa học của các tổ chức và học giả trong và ngoài nước. Cụ thể gồm có: các tài liệu liên quan đến cơ sở lý

thuyết của đề tài; các tài liệu nghiên cứu về Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử của Việt Nam và Nhật Liên Tông của Nhật Bản.

- Phương pháp so sánh – đối chiếu

Nhóm tác giả dựa trên một số yếu tố như bối cảnh ra đời; nội dung giáo lý và phương pháp tu tập; lịch sử phát triển và những đóng góp tiêu biểu để so sánh, chỉ ra một số nét tương đồng và dị biệt giữa Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử của Việt Nam so với Nhật Liên Tông của Nhật Bản.

- Phương pháp phân tích – tổng hợp

Nhóm tác giả sử dụng phương pháp này để phân tích và tổng hợp thông tin từ các nguồn tư liệu thu thập được, trên cơ sở đó đưa ra những lập luận, đánh giá của riêng mình.

- Phương pháp khảo sát thực địa

Để thu thập, làm rõ thông tin về đối tượng nghiên cứu, nhóm tác giả đã thực hiện những chuyến đi thực tế tại Khu di tích Yên Tử (Quảng Ninh) vào dịp diễn ra các nghi lễ, lễ hội, trực tiếp quan sát các cơ sở thờ tự, dấu ấn, di vật, các sinh hoạt Phật giáo của các tăng, ni trên các phương diện niềm tin, thực hành, sư tầm hình ảnh, tư liệu tại khu di tích.

- Phương pháp phỏng vấn sâu

Trong quá trình khảo sát thực địa, nhóm tác giả đã sử dụng phương pháp phỏng vấn sâu thông qua đối thoại hỏi và đáp một cách trực tiếp đối với các tín đồ, tăng, ni ở Khu di tích Yên Tử (Quảng Ninh) để tìm hiểu những suy nghĩ, thái độ, tình cảm, động cơ, niềm tin, quan điểm... của họ, từ đó thu thập những thông tin cần thiết phục vụ cho kết quả nghiên cứu.

Khu di tích Yên Tử (Quảng Ninh). Ảnh sưu tầm.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1 Khái quát quá trình hình thành và phát triển của Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử (Việt Nam)

3.1.1 Bối cảnh ra đời

Về bối cảnh tôn giáo, cho đến thế kỷ XIII, Phật giáo đã vươn lên trở thành quốc giáo của nhà nước Đại Việt, thu hút đông đảo quần chúng và giới quý tộc, triều đình tham gia.

Tuy nhiên, một thực tế đáng lo ngại là các tông phái lại chia năm xẻ bẩy, rải rác trong các xóm làng Đại Việt tồn tại các tục lệ cúng bái mê tín dị đoan.

Trong cộng đồng người Việt từ cuối thời nhà Lý, bên cạnh ba dòng thiền truyền thống (Tì Ni Đa Lưu Chi, Vô Ngôn Thông, Thảo Đường) đã xuất hiện những khuynh hướng khác lạ, xa rời chính pháp. Cũng phải kể đến mặt tiêu cực trong khuynh hướng Tịnh Độ, đó là tư tưởng ỷ lại vào sự cứu độ từ bên ngoài, làm thui chột nỗ lực tự thân[1].

Về bối cảnh chính trị - xã hội, vào thời đại Trần Nhân Tông, đế quốc Mông Cổ đã trở thành mối đe doạ thường trực đối với sự sống còn của nhà nước Đại Việt. Điều này đã được cụ thể hóa bằng các cuộc chiến tranh xâm lược Đại Việt vào năm 1258, 1285 và 1287 – 1288[2].

Bối cảnh ngàn cân treo sợi tóc ấy đã khiến vị Hoàng Đế sáng suốt và có tầm nhìn chiến lược Trần Nhân Tông phải bận lòng trăn trở, kiếm tìm đường lối xây dựng quốc gia Đại Việt sao cho vừa hùng mạnh về chính trị, quân sự và kinh tế lại vừa mở mang về văn hoá - tư tưởng và tôn giáo, tạo ra đời sống tinh thần phong phú, thiêng liêng, lành mạnh và không bị lệ thuộc, đủ sức đương đầu với mối hoạ xâm lăng từ bên ngoài không chỉ về quân sự, chính trị mà còn cả về âm mưu nô dịch văn hoá - tư tưởng.

Năm 1299, với việc lập ra phái thiền Trúc Lâm và thống nhất toàn bộ giáo hội Phật giáo đời Trần về một mối, sơn môn Yên Tử đã trở thành trung tâm Phật giáo của nhà nước Đại Việt. Từ đây, Việt Nam thực sự đã có một dòng thiền Phật giáo của người Việt, do chính người Việt làm Tổ.

3.1.2 Nội dung giáo lý và phương pháp tu tập

Nét đặc sắc trong nội dung giáo lý của thiền phái Trúc Lâm được thể hiện qua tư tưởng "*Phật tại tâm*" và chủ thuyết "*cư trần lạc đạo*". Đối với Phật giáo Trúc Lâm, con đường hiện thực để thành Phật chính là sự giác ngộ của "*bản tính*" trong mỗi một con người, nhấn mạnh đến truy cầu nội tại từ trong tâm[3]. Tư tưởng xuyên suốt của Trúc Lâm Yên Tử là hành đạo giúp đời, đưa đạo đến với đời, mọi giáo pháp đều xuất phát từ khuynh hướng "nhập thế".

Về phương pháp tu tập, thiền phái Trúc Lâm theo phương thức niệm Phật A Di Đà, chuyên niệm "*Nam mô A Di Đà Phật*". Đối với thiền phái Trúc Lâm, tọa thiền (tức ngồi thiền) được coi là phương pháp quan trọng đưa đến giác ngộ, bao gồm bốn giai đoạn cơ bản là: sổ tức, tùy tức, tri vọng (Pháp tri vọng, Tính tri vọng), biết là chân tâm.

3.1.3 Lịch sử phát triển

Thiền phái Trúc Lâm được sáng lập bởi vua Trần Nhân Tông. Được nhà vua hộ pháp nên tông phái này phát triển rất mạnh dưới thời nhà Trần. Sự hưng thịnh của phái Trúc Lâm thời kỳ này biểu hiện rõ nhất ở tổ chức tăng đoàn. Không chỉ có số lượng phật tử đông đảo (hầu như trên cả nước từ vua, quan đến dân đều theo đạo Phật) mà tăng đoàn còn có nguồn ruộng đất và tài sản riêng rất lớn.

Ngay từ khi sáng lập phái Trúc Lâm, vua Trần Nhân Tông đã cho biên tập và san khắc, ấn hành nhiều kinh sách, trước tác để phổ biến giáo lý tư tưởng hành đạo của tông phái này; đồng thời đi khắp nơi thuyết pháp và thành lập những trung tâm hoằng pháp làm nơi tu hành và truyền giảng đạo như Yên Tử, Quỳnh Lâm, Vĩnh Nghiêm, Siêu Loại, Vĩnh Phúc, Báo Ân, An Lạc Tàng viện...[4] Từ đời vua Anh Tông, các Tăng sĩ bắt đầu được triều đình cấp độ điệp[5]. Đến cuối thế kỷ

14, số lượng Tăng Ni trong giáo hội Trúc Lâm đã lên đến khoảng 30.000 vị.

Do Thiền phái Trúc Lâm gắn chặt với triều đình nhà Trần, giáo hội thời đó là giáo hội của triều đình, vua làm Tổ lãnh đạo nên một khi triều đại này sụp đổ thì hệ phái Trúc Lâm cũng trở nên suy yếu và bị lu mờ.

Năm 1400, Hồ Quý Ly cướp ngôi nhà Trần và tìm cách tiêu diệt Hoàng tộc nhà Trần. Từ đây, thiếu sự nâng đỡ của những ông vua Phật tử, đạo Phật rút lui về chùa trên núi và nơi thôn quê, những vị tăng được ủy quyền để lo cho giáo hội Trúc Lâm thời đó phải ẩn trong rừng núi hoặc đổi tên họ[6].

Năm 1407, nhà Minh xâm lăng Đại Việt, áp dụng chính sách "*đồng hóa*", phá hủy và tịch thu tất cả những di tích văn hóa và lịch sử của Đại Việt, kể cả kinh sách, di tích Phật giáo.

Năm 1416, Lê Lợi nổi lên khởi nghĩa chống lại quân Minh khiến chúng phải rút quân về nước nhưng đề nghị lập lại con cháu họ Trần làm điều kiện giảng hòa.

Cuối năm 1426, Lê Lợi đã tìm lập Trần Cảo làm vua, sai sứ dâng biểu cho nhà Minh xin được phong làm An Nam quốc vương. Đầu năm Mậu Thân (1428), Trần Cảo nghe Lê Lợi bàn luận với quan tướng rằng: "*Trời không thể có hai mặt trời, nước không thể có hai vua, Trần Cảo không có công gì với dân sao được giữ ngôi*" nên dùng thuyền bỏ trốn nhưng đã bị đuổi theo và giết chết.

Sau đó, Lê Lợi sai sứ sang tâu nhà Minh rằng Trần Cảo bệnh mà chết, con cháu hoàng tộc nhà Trần không còn ai và được vua Minh thừa nhận làm An Nam quốc vương. Để tránh tai họa về sau, vua Lê Thái Tổ đã phải tìm cách tiêu diệt dòng họ nhà Trần[7].

Thiền phái Trúc Lâm do vua Trần sáng lập, truyền bá, nhiều người trong Hoàng tộc và đại thần nhà Trần là môn đồ của phái thiền Trúc Lâm. Khi nhà Trần mất ngôi, một số Hoàng tộc nhà Trần đã vào ẩn náu trong phái thiền Trúc Lâm.

Vì vậy, nếu muốn tiêu diệt hết Hoàng tộc nhà Trần, vua Lê Thái Tổ phải truy lùng dòng họ nhà Trần trong số các thiền sư Trúc Lâm hoặc ẩn náu trong các chùa chiền để tiêu diệt. Cũng chính vì thế, các thiền sư trong phái thiền Trúc Lâm bị liên lụy, phải lẩn trốn vào rừng núi sâu hoặc phải trốn ra ngoại quốc (Chân Lạp, Chiêm Thành...) để ẩn tu và giấu tung tích bằng cách giấu phái thiền Trúc Lâm, lấy danh phái thiền Lâm Tế để tránh những rắc rối về chính trị đó [8].

Sau này, phái thiền Trúc Lâm được thịnh đạt trở lại và còn phát triển ở Đàng Ngoài cho đến đời nhà Nguyễn (1802-1945) do công của thiền sư Hương Hải và các đệ tử. Nhưng ở Đàng Trong, phái thiền Trúc Lâm bị coi là chống Chúa

Nguyễn nên các Thiền sư của phái này phải ẩn trốn. Tuy nhiên, trong thực tế, pháp môn tu thiền của phái thiền Trúc Lâm vẫn còn được duy trì trong số các Thiền sư Phái thiền Lâm Tế ở Đàng Trong từ thời các Chúa Nguyễn cho đến thời các vua Nhà Nguyễn[9].

Sau một thời kì bị gián đoạn bởi các cuộc chiến tranh và các biến động chính trị - văn hóa, Phật giáo Trúc Lâm được phục hưng bởi thiền sư Chân Nguyên vào thế kỷ XVII và đến cuối thế kỷ 20, thiền phái Trúc Lâm Yên Tử tiếp tục hồi sinh nhờ vai trò to lớn của Thiền sư Thích Thanh Từ.

Tượng Phật hoàng Trần Nhân tông thuộc khu di tích Yên Tử (Quảng Ninh). Ảnh sưu tầm.

3.2 Khái quát quá trình hình thành và phát triển của Nhật Liên Tông (Nhật Bản)

3.2.1 Bối cảnh ra đời

Về bối cảnh tôn giáo, vào thế kỷ XIII dưới triều đại Kamakura, Phật giáo ngày càng lan rộng và có sức ảnh hưởng mạnh mẽ đến mọi tầng lớp trong xã hội. Bên cạnh những thành tựu đã đạt được thì Phật giáo lúc bấy giờ đã bắt đầu có những biểu hiệu phức tạp như nạn mê tín dị đoan rải rác khắp trong đời sống quần chúng hay tồn tại những sai lệch trong nhận thức về tư tưởng và giá trị cốt lõi Phật giáo. Thêm vào đó, đây được coi là thời kỳ có sự xuất hiện và phát triển của nhiều giáo phái như Tịnh Độ Tông, Thiền Tông...[10] nhưng lại không có tông phái nào có thể giải quyết được triệt để được những vấn đề đặt ra của thời đại, thậm chí còn gây nhiễu đến sự thống nhất trong tư tưởng tôn giáo của Nhật Bản lúc bấy giờ.

Về bối cảnh chính trị - xã hội, thời kỳ Kamakura dưới sự cai trị của chính quyền Mạc Phủ, đây là giai đoạn được đánh dấu bởi nhiều cuộc chiến tranh bộ tộc và xung đột quốc gia. Thời đó, đế chế Mông Cổ hùng mạnh đang bành trướng thế lực khắp thế giới và đang lăm le xâm lược Nhật Bản. Trong xã hội, tầng lớp nông dân bị bóc lột một cách vô cùng tàn bạo với những khoản tô thuế nặng nề. Cùng với đó, thiên tai như bão lụt, động đất, đói kém, bệnh tật… liên tục xảy ra khiến dân chúng sống trong cảnh lầm than[11].

Trong hành trình đi tìm giáo lý cứu khổ độ sinh, ngài Nhật Liên đã có cơ duyên tiếp nhận và liễu ngộ kinh Pháp Hoa, từ đó sáng lập nên tông phái Nhật Liên vào năm 1253[12].

3.2.2 Nội dung giáo lý và phương pháp tu tập

Về nội dung giáo lý, Nhật Liên Tông lấy kinh Pháp Hoa làm căn bản cho tư tưởng và sự thực hành. Tư tưởng căn bản về kinh Pháp Hoa của Nhật Liên Tông tựu trung xoay quanh 5 vấn đề mấu chốt là: Áp dụng giáo lý kinh Pháp Hoa để cứu độ chúng sinh trong đời mạt pháp; Lấy quyển Lập Chánh An Quốc Luận làm tư tưởng chủ đạo; Chú trọng vấn đề Báo Ân; Hồi hướng chúng sinh hiện tại được an lạc, sau khi mạng chung được sinh tịnh cảnh; Thế giới Ta-bà là nơi cần được hóa độ.

Về phương pháp tu tập, hành giả Nhật Liên Tông chú tâm vào tụng đề mục " *Nam mô Diệu Pháp Liên Hoa Kinh. Đối với người xuất gia, Nhật Liên Tông đề ra ba pháp là: độc tụng, giảng tán và thư tả.*"

3.2.3 Lịch sử phát triển

Dưới thời đại Kamakura, tổ sư Nhật Liên Thánh Nhân đã phải trải qua nhiều pháp nạn lớn trong hành trình xiển dương giáo lý kinh Pháp Hoa. Sau ngài Nhật Liên, sự phát triển môn phái gắn liền với quá trình truyền đạo ở hải ngoại của Nhật Trì, sau đó phạm vi giáo hóa của Nhật Liên Tông ngày càng rộng hơn thông qua sự kiện Nhật Hưng lìa khỏi Minobuzan và Nhật Tượng hoằng dương Phật Pháp tại Kyoto.

Từ sau thời đại Kamakura đến nay, Nhật Liên Tông tiếp tục được phát triển lớn mạnh và lan rộng ra nhiều vùng khác rồi từ từ bao phủ trên toàn phạm vi nước Nhật thông qua công cuộc truyền giáo của Nhật Thân, cuộc cải cách trong nội bộ tông phái của Nhật Triêu hay sự ra đời của Quốc Trụ Hội – một giáo đoàn Phật giáo tập trung vào tư tưởng Phật giáo tại gia và xiển dương theo chủ nghĩa Nhật Liên. Từ thế kỷ XIX, trong Nhật Liên Tông phát sinh nhiều giáo phái mới hưng thịnh như Soka Gakkai (tham gia sáng lập Đảng Công Minh), Rissho

Koseikai (có đại biểu trong Quốc hội). Hiện nay, tông phái Nhật Liên đã trở nên rất thịnh hành trong xã hội Nhật Bản với số lượng tín đồ lên đến 30% Phật tử người Nhật.

Tượng Ngài Nhật Liên thánh Nhân. Ảnh sưu tầm.

3.3 Một số điểm tương đồng và dị biệt

3.3.1 Một số điểm tương đồng

Thứ nhất, Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử và Nhật Liên Tông đều được sáng lập vào thế kỷ thứ 13, trong bối cảnh cả Việt Nam và Nhật Bản phải đối mặt với họa xâm lăng từ **đế quốc Mông Nguyên** - đế chế mạnh nhất thế giới lúc bấy giờ. Nhận xét về khả năng chiến đấu của quân Mông Cổ, một nhà sử học thời Tống viết: "*...trăm quân kỵ quay vòng, có thể bọc được vạn người. Nghìn quân kỵ tản ra có thể dài đến trăm dặm. Kẻ địch hợp lại thì họ cũng hợp lại, hoặc tản ra, hoặc ẩn hoặc hiện, đến thì như trên trời xuống, đi thì nhanh như chớp giật... Họ mà thắng thì đuổi theo địch chém giết không để trốn thoát, họ mà thua thì chạy rất nhanh đuổi không kịp*"[13].

Biên niên sử còn chép lại: *"vó ngựa Mông Cổ đi đến đâu cỏ không mọc được, đến đâu thì bình địa đến đó, máu chảy đầu rơi, xơ xác."*[14]. Với Đại Việt, mối đe dọa từ đội quân Mông Cổ đã được cụ thể hóa bằng cuộc chiến tranh xâm lược vào năm 1258. Sau thất bại "*khó nuốt*" đó, đế quốc Mông Cổ vẫn nuôi dã tâm xâm lược và thôn tính đất nước của vua tôi nhà Trần. Từ năm 1261, Mông Cổ bắt đầu yêu cầu Đại Việt phải cống nạp, mang quân đến giúp đỡ mình.

Năm 1271, Mông Cổ đánh bại nhà Tống, lập ra nhà Nguyên ở Trung Quốc. Vua Nguyên nhiều lần cho sứ giả sang dụ dỗ, đe dọa vua tôi triều đình Đại Việt và đặt ra nhiều yêu sách như: vua Trần phải sang chầu, vua Trần phải cho con hay em sang ở tại triều đình Mông Cổ làm con tin, phải kê khai dân số nộp cho nhà Nguyên, phải chịu chế độ quân dịch, nộp thuế.

Chưa hết, nhà Nguyên còn ngang ngược yêu sách áp đặt chế độ Đạt lỗ hoa xích - tức đặt quan lại người Mông Cổ thống trị nước Đại Việt, lại yêu cầu nhà Trần giúp binh lương và cho mượn đường để đi đánh Chiêm Thành...[15]

Đầu năm 1285, 50 vạn quân Nguyên do Thoát Hoan cầm đầu lại ồ ạt kéo sang xâm lược Đại Việt. Thất bại nhục nhã ở Đại Việt lần 2 khiến vua Nguyên hết sức căm giận và hạ lệnh điều hàng chục vạn quân, hàng trăm chiến thuyền sang xâm lược Đại Việt lần thứ 3 vào năm 1287 – 1288.

Trong bối cảnh đất nước lúc bấy giờ, vua Trần Nhân Tông mong muốn tìm ra một con đường nhằm huy động sức mạnh đoàn kết trong nhân nhân, đủ sức đương đầu với các mối đe dọa xâm lược từ phương Bắc. Còn ở Nhật Bản, tuy không phải trải qua cuộc chiến thực sự nhưng đế quốc Mông Cổ vẫn luôn lăm le tấn công tiến chiếm. Chính quyền Mạc Phủ thường xuyên nhận được những văn thư khiêu chiến, do những sứ giả người Mông Cổ mang đến[16]. Trong hoàn cảnh lúc bấy giờ, Ngài Nhật Liên mong muốn thống nhất tư tưởng tôn giáo của Nhật Bản để giải thoát chúng sinh khỏi sự bế tắc, nhiễu loạn.

Thứ hai, Trúc Lâm Yên Tử và Nhật Liên Tông ra đời trong bối cảnh tình hình Phật giáo của đất nước đang diễn biến phức tạp. Dưới thời Trần, Phật giáo phát triển mạnh mẽ nhưng về mặt tông phái lại chia năm xẻ bẩy; rải rác trong các xóm làng Đại Việt tồn tại các tục lệ cúng bái mê tín dị đoan và các miếu thờ bậy bạ (dâm từ). Bên cạnh ba dòng thiền truyền thống đã xuất hiện những khuynh hướng khác lạ, xa rời chính pháp như sử dụng bùa phép để giải quyết mâu thuẫn cá nhân. Cũng phải kể đến mặt tiêu cực trong khuynh hướng Tịnh Độ từ giữa thế kỷ 11, đó là tính ỷ lại vào sự cứu độ từ bên ngoài (tha lực), làm thui chột nỗ lực tự thân[17].

Tại Nhật Bản, ở thời đại mà ngài Nhật Liên tại thế đã xuất hiện ngày càng nhiều những biểu hiện xuống cấp trong Phật giáo. Theo Nhật Liên, nguyên nhân dẫn đến sự suy thoái là do áp dụng một cách thiếu hợp lý chủ nghĩa thần bí Shingon với một hình thức Phật giáo liên quan đến Ấn Độ giáo và các yếu tố ngoại lai khác. Cùng với đó là những ma thuật, tà thuật buôn thần bán thánh đã thu hút ban đầu là sự tham gia của tầng lớp quý tộc, sau lan rộng ra đến quần chúng nhân dân. Nó làm cho những giá trị lý tưởng cao đẹp của Dengyo và Phật giáo bị thô tục hóa, trở thành công cụ cho lòng tham và sự phản bội[18].

Một ví dụ khác chứng minh cho sự xuống cấp của Phật giáo thời kì này đó là sự phát triển của một trường phái Phật giáo có tên là Ritsu hay còn gọi là Luật Tông, với việc thiết lập hàng loạt những quy tắc nghiêm ngặt từ các nguyên tắc đạo đức của Phật giáo. Tuy nhiên ngôi trường này lại phát triển theo hướng chủ nghĩa tự phụ, theo thời gian lại có thêm những biểu hiện của chủ nghĩa hình thức. Rèn luyện đạo đức, tuân theo quy tắc, trau dồi khuynh hướng thực hành đức hạnh chỉ vì mục đích cứu rỗi cá nhân[19].

Thứ ba, điểm giống nhau rất quan trọng giữa Trúc Lâm Yên Tử và Nhật Liên Tông là cả hai đều có tinh thần nhập thế rất mạnh, đã dấn thân tích cực vào đời sống thế tục để cứu khổ nhân sinh, xây dựng và phát triển đất nước. Trong nội dung giáo lý của mình, cả hai tông phái đều chủ trương người xuất gia tu hành, bên cạnh việc tụng kinh giảng đạo, đều có thể tham gia vào những công việc có ích cho xã hội như: giảng dạy, cứu tế... Mục đích của việc làm này là giúp các nhà sư vừa có thể áp dụng đạo pháp và cứu rỗi chúng sinh, vừa để rèn luyện mình trong cuộc sống đời thường.

Đối với Việt Nam, Thiền phái Trúc Lâm thể hiện tinh thần "*dấn thân*" ở chỗ sau khi đánh đuổi quân xâm lược, đất nước thái bình thì các Thiền sư trở về với việc tu hành và nghiên cứu để đưa hiểu biết của mình đến với người dân. Ở Nhật Bản, Nhật Liên Tông cũng có đóng góp rất lớn trong các vấn đề chính trị, văn hóa, xã hội của quốc gia và thế giới.

Một ví dụ tiêu biểu đó là Soka Gakkai[20] với những đóng góp to lớn trong quá trình vận động phát triển hòa bình, thành lập nhiều học viện khắp thế giới nghiên cứu về văn hóa, giáo dục, khoa học. Ngoài ra còn có Hội Rissho Kosei – kai[21] với những đóng góp nổi bật của Pháp sư Nikkyo Niwano trong vai trò là nhà lãnh đạo Hội Tôn Giáo và Hòa Bình Thế Giới, Hiệp Hội Tự Do Tôn Giáo, Hiệp Hội Hòa Bình Niwano...

Thứ tư, như là hệ quả của điểm tương đồng thứ ba, Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử và Nhật Liên Tông đều có những đóng góp quan trọng cho quốc gia trên nhiều phương diện.

Về phương diện tư tưởng - văn hóa, "*Việc ra đời Thiền phái Trúc Lâm đã kết thúc thời kỳ các tông phái Phật giáo Việt Nam do người nước ngoài sáng lập, chứng minh Phật giáo đã thực sự bắt rễ tại Việt Nam, thực sự được người Việt đương thời tiếp thu và phát triển*"[22]. Đóng góp tích cực nhất, sáng giá nhất của thiền phái Trúc Lâm là khẳng định rõ hệ quy chiếu của Phật giáo Việt Nam theo tinh thần nhập thế tích cực, kết hợp chặt chẽ giữa đời và đạo.

Với sự ra đời của thiền phái Trúc Lâm, lần đầu tiên Phật giáo Việt Nam có một tổ chức thống nhất từ Trung ương đến địa phương, có cơ sở vật chất, tăng ni hùng hậu giữ vai trò chủ đạo trong đời sống xã hội và tinh thần của dân tộc. Trên nền tảng hợp nhất ba dòng thiền Tì Ni Đa Lưu Chi, Vô Ngôn Thông, Thảo Đường, lần đầu tiên trong lịch sử Phật giáo Việt Nam đã thiết lập được mô hình tổ chức Phật giáo Nhất tông vào đời Trần, tức là *"thời đại của một tông phái Phật giáo duy nhất"*, với tôn chỉ hoạt động là thống nhất tư tưởng, ý chí và hành động phục vụ cho Đạo pháp - Dân tộc[23]. Trong quá trình tồn tại và phát triển, thiền phái Trúc Lâm đã xây dựng nên hệ tư tưởng mang bản sắc riêng của Phật giáo Việt Nam, đó là sự kết hợp hài hòa giữa Phật giáo, Nho giáo, Đạo giáo, gọi là tinh thần *"Tam giáo đồng nguyên"*.

Phái thiền Trúc Lâm đã dung hợp và kế thừa tinh hoa của Phật giáo Ấn Độ và Trung Hoa để xây dựng và làm phong phú thêm hệ thống triết học thiền mang tính cách, tâm hồn Việt Nam, đó là quan niệm về *"cái tâm"* - *"Phật là ta, ta là Phật"* - đỉnh cao của quan niệm "*Phật tại tâm*" trong triết học Phật giáo theo khuynh hướng hướng nội và biện tâm. Các vị tổ Trúc Lâm đã kết hợp nhuần nhuyễn hai đường lối gần như đối lập nhau: thiền tọa, tham cứu, thoại đầu và học hỏi, nghiên cứu kinh điển, giáo lý. Sự kết hợp này tạo thành khuynh hướng mới trong thiền tông Việt Nam, gọi là *"Khuynh hướng thiền giáo nhất trí"*[24].

Từ góc nhìn di sản văn hóa, thiền phái Trúc Lâm Yên Tử có những đóng góp xứng đáng vào kho tàng di sản văn hóa Việt Nam. Chỉ xét riêng trong lĩnh vực di tích lịch sử văn hóa, các ngôi chùa thuộc Thiền phái Trúc Lâm cũng chiếm vị trí đặc biệt quan trọng và hiện đang phát huy giá trị trong đời sống xã hội như: Yên Tử, Quỳnh Lâm, chùa Vĩnh Nghiêm (Đức La), chùa Côn Sơn, chùa Thanh Mai, chùa tháp Phổ Minh... Phái thiền Trúc Lâm còn tham gia sáng tạo chữ Nôm qua việc viết họ tên Phật tử trong các sớ điệp cầu an, cầu siêu, thọ tam quy ngũ giới... bằng chữ Nôm. Vua Trần Nhân Tông đã để lại nhiều bài văn Quốc ngữ, tiêu biểu có bài phú Cư trần lạc đạo nói về giáo lý đạo Phật[25].

Tương tự như ở Việt Nam, trong thời kỳ Kamakura, sự xuất hiện của Nhật Liên Tông đã góp phần hình thành nên nền *"Phật giáo Nhật Bản"* bản xứ. Ngài Nhật Liên Thánh Nhân đã thổi vào Nhật một luồng sinh khí mới như hành trì đề mục

“Nam Mô Diệu Pháp Liên Hoa Kinh”. Trên lĩnh vực văn học, nghệ thuật, dấu ấn của Phật giáo cực kỳ sâu đậm. Các vị đại sư thời kỳ này, bắt đầu viết các tư tưởng của mình bằng tiếng Nhật. Giáo phái này cho ra đời rất nhiều ngôi chùa tiêu biểu như: chùa Myokenji, chùa Honkoji, chùa Honnoji, chùa Daisekiji, chùa Yoboji, chùa Myomanji… Hiện nay, các chùa, tu viện thuộc phái Nhật Liên không chỉ có thế lực kinh tế rất hùng hậu mà còn trở thành các trung tâm học thuật.

Về mặt chính trị - xã hội, việc định hướng bảo vệ chủ quyền dân tộc, mở rộng biên cương, chấn hưng văn hóa Đại Việt của nhà Trần đều mang dấu ấn quan điểm Phật giáo, nhất là tư tưởng tùy duyên mà vui với đạo của Thiền phái Trúc Lâm. Nhìn từ phía mở rộng biên cương về phía Nam của dân tộc, Thiền phái Trúc Lâm ra đời là nhằm yểm trợ và thỏa mãn yêu cầu của chính sách Nam tiến của vua Trần Nhân Tông[26]. Nội dung giáo lý của Thiền phái được sử dụng làm công cụ thống nhất quyền lực và duy trì trật tự xã hội. Trong quá trình hình thành và phát triển lịch sử Đại Việt, đặc biệt từ khi Thiền Phái Trúc Lâm hình thành đã thắt chặt hơn với tâm tư, tình cảm nhân dân, thể hiện đạo lý tình người và tạo ra sức mạnh toàn dân chống giặc ngoại xâm và phát triển đất nước phồn thịnh.

Đối với tông phái Nhật Liên, ngài Nhật Liên Thánh Nhân đã viết bộ Lập Chính An Quốc Luận, đề ra các phương án cứu nước ra khỏi tai ương, khuyên Mạc Phủ nên dùng chính nghĩa để trị dân. Mục đích của tác phẩm này nhằm bài trừ tà pháp, xác lập chính pháp, tiêu trừ tai nạn, đem lại an ninh cho quốc gia. Chính những tư tưởng sắc bén trong bộ Lập Chính An Quốc Luận cùng việc lên án các thế lực chính trị phản động của ngài Nhật Liên đã làm cho quân nổi loạn sợ hãi[27]. Trong thời kỳ hiện đại, Nhật Liên Tông có đóng góp tích cực trong lĩnh vực hỗ trợ cho hoà bình, tiêu biểu phải kể đến các chi phái thế tục như: Soka Gakkai, Rissho Kosei - kai.

2.3.2 Một số điểm khác biệt

Bên cạnh những nét tương đồng đã được phân tích, giữa Trúc Lâm Yên Tử và Nhật Liên Tông còn tồn tại một số điểm khác biệt – phản ánh sự quy định của bối cảnh lịch sử, chính trị và văn hóa đặc thù của mỗi quốc gia.

Về bối cảnh chính trị, Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử ra đời trong một bối cảnh nhà nước thống nhất và đang trong giai đoạn tái kiến thiết đất nước hậu chiến tranh trên mọi phương diện từ chính trị, kinh tế đến văn hóa, tư tưởng. Trong khi đó, Nhật Liên Tông lại ra đời trong bối cảnh chính trị - xã hội vô cùng rối ren ở Nhật Bản với những mâu thuẫn nội bộ gay gắt.

Còn trên phương diện tôn giáo, sự ra đời của Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử, về bản chất, là sự cố kết các tông phái Phật giáo đương thời ở nước ta, tạo điều kiện cho Phật giáo thời Trần phát triển trở thành Phật giáo nhất tông. Trong khi đó, Nhật Liên Tông tuy ra đời là để giải quyết những cấp bách của thời đại, cùng với những biểu hiện phức tạp của Phật giáo nhưng lại hàm chứa xu hướng phê phán, chống lại tất thảy những tông phái cùng thời.

Thứ hai, Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử và Nhật Liên Tông có những điểm khác nhau trong nội dung giáo lý và phương pháp tu tập. Mặc dù cả hai tông phái đều đặt trên nền tảng kinh điển Đại thừa (tức Phật giáo phát triển) nhưng do có sự khác biệt trong việc lựa chọn kinh văn đã tạo nên nét đặc sắc riêng có trong nội dung giáo lý ở mỗi tông phái. Phải kể đến đó là tư tưởng "*Phật tại tâm*" và tính biện tâm của Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử mang đậm dấu ấn đặc trưng và chịu ảnh hưởng sâu sắc từ giáo lý *"Tức tâm tức Phật"* của kinh Kim Cương và "*Vạn pháp duy tâm*" của kinh Hoa Nghiêm. Trong khi đó, Nhật Liên Tông lại chủ trương lấy Kinh Pháp Hoa làm căn bản tư tưởng và sự thực hành. Kinh Pháp Hoa nhấn mạnh tính nhân duyên, siêu triết học, thực tiễn, khiêm cung, nhẫn nhục. Chính những đặc điểm cốt lõi này đã tạo nên tính chất báo ân, hồi hướng, cứu độ của Nhật Liên Tông.

Về phương pháp tu tập: Mặc dù cả Trúc Lâm Yên Tử và Nhật Liên Tông đều sử dụng câu trú niệm trong quá trình tu tập. Tuy nhiên, giữa hai tông phái này lại có sự khác biệt trong câu xướng đề mục. Thiền phái Trúc Lâm của Việt Nam kết hợp giữa Thiền và Tịnh, trong đó niệm Phật A Di Đà là một phương pháp phổ biến. Còn đối với Nhật Liên Tông, thay vì niệm Phật họ niệm Pháp với câu xướng đề mục là: *"Nam mô Diệu Pháp Liên Hoa Kinh*".

Thứ ba, giữa Trúc Lâm Yên Tử và Nhật Liên Tông có sự khác biệt rất đáng kể qua cách thức mà mỗi tông phái tham gia vào các vấn đề của quốc gia. Điều này được thể hiện rõ nét thông qua tính dân tộc hiện hữu ở bản thân mỗi tông phái. Cả hai tông phái đều mang trong mình tinh thần dân tộc cao vì sự nghiệp chung của đất nước, nhưng đối với Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử đó là tinh thần đạo pháp phụng sự cho lý tưởng của dân tộc được khắc họa rõ nét qua tư tưởng *"hòa kì quang, đồng kì trần*" tức *"sống trong lòng thế tục, hòa ánh sáng của mình trong cuộc đời bụi bặm"* [28].

Còn ở Nhật Liên Tông, tinh thần "*hộ quốc*" cũng đã được đề cao ngay từ buổi đầu thiết lập tông phái. Nhưng khác với Việt Nam, đó là một lý tưởng hộ quốc để bảo vệ dân tộc trước hiểm họa xâm lược từ thế lực bên ngoài, còn với Phật giáo Nhật Bản nói chung và Nhật Liên Tông nói riêng thì tư tưởng này lại được chuyển hóa theo khía cạnh mới, đó là sự tập trung vào tinh thần cứu tế, dấn

thân sâu sắc vào đời sống thế tục.

Thứ tư, tuy ra đời trong cùng thời đại nhưng **Trúc Lâm Yên Tử** và **Nhật Liên Tông** lại đi theo hai chiều hướng vận động, phát triển rất khác nhau. Trúc Lâm Yên Tử ra đời dưới sự hậu thuẫn to lớn của nhà Trần, do đó quá trình hưng thịnh và suy vong của tông phái này cũng gắn liền với triều đại nhà Trần. Và khi triều đại này chấm dứt, mặc dù trên phương diện chính trị không còn vị thế như trước nữa nhưng vẫn để lại những ảnh hưởng vô cùng to lớn về mặt văn hóa tư tưởng cho dân tộc.

Ngược lại, Nhật Liên Tông vừa xuất hiện đã gặp phải vô vàn những khó khăn, thử thách, đặc biệt phải kể đến đó là những bất lợi gây ra từ phía chính quyền Mạc Phủ trong suốt quá trình ngài Nhật Liên xiển dương và phát triển bổn phái, hay làn sóng cải cách cùng với việc khôi phục vị trí Quốc giáo của Thần đạo dưới thời Minh Trị Duy Tân. Song, không vì thế mà Nhật Liên Tông bị suy yếu. Bằng những tư duy cách tân và sự thay đổi phù hợp với nhu cầu của thời đại, Nhật Liên Tông đã chứng minh được sức sống mãnh liệt của mình và cho đến tận bây giờ nó vẫn còn giữ lại được sức ảnh hưởng to lớn trên cả phương diện chính trị lẫn tư tưởng đối với đất nước Nhật Bản.

Hình ảnh chỉ mang tính chất minh hoạ (sưu tầm).

4. Lý giải nguyên nhân

4.1 Nguyên nhân tương đồng

Thứ nhất, Phật giáo ở Việt Nam và Nhật Bản đều được truyền bá, du nhập từ Trung Quốc vì thế đã hình thành một số điểm chung giữa Phật giáo của cả hai nước như tính thế tục hóa, tính nhân đạo hiện thực.

Về tính thế tục hóa

Tính thế tục của Phật giáo Việt Nam được thể hiện ở nỗ lực hướng đến một cuộc sống giải thoát dành cho những vị xuất gia nhưng vẫn tham gia vào các vấn đề của đời sống xã hội, thể hiện được tinh thần Phật giáo gắn bó với con người và dân tộc. Điều này được biểu hiện thông qua những hoạt động như: nuôi trẻ mồ côi, xây dựng nhà tình thương, cứu trợ người tàn tật, thực hiện nồi cháo tình thương tại bệnh viện, tham gia cứu trợ cho đồng bào bị lũ lụt, tham gia các dự án tăng cường khả năng đáp ứng của tôn giáo trong hoạt động phòng chống HIV/AIDS…

Đối với Phật giáo Nhật Bản, tính thế tục thể hiện trước hết là nhiều giáo lý, nghi lễ Phật giáo đã trở thành phong tục, tập quán, thành nếp sống của quảng đại nhân dân. Các nghi lễ Phật giáo Nhật Bản ngày nay chủ yếu được thể hiện bằng các thói quen xã hội như phong tục, tập quán, lễ hội… Các Phật tử ở Nhật Bản không chú ý quá nhiều đến các giáo lý của Phật giáo mà quan tâm đến sự phổ độ của đức Phật nhiều hơn[29].

Về tính nhân đạo hiện thực

Tính hiện thực nhân đạo của Phật giáo Việt Nam được thể hiện trong tinh thần bác ái của dân tộc Việt Nam. Tinh thần ấy được thể hiện trong nếp sống, nếp sinh hoạt của người dân. *“Đánh kẻ chạy đi không ai đánh người chạy lại”, “lá lành đùm lá rách”, “thương người như thể thương thân”* … là những câu tục ngữ thể hiện tinh thần này. Bên cạnh đó, các tổ chức Phật giáo còn tổ chức nhiều hoạt động thiện nguyện, nhân đạo như hoạt động hiến máu cứu người, quyên góp từ thiện…[30]

Phật giáo Nhật Bản đã tiếp thu và phát huy tinh thần hướng thiện theo cách riêng của dân tộc mình. Các Phật tử thiên về thế giới thực tại trực tiếp và cụ thể của con người như được may mắn, giàu có, hạnh phúc… Ở Nhật Bản thường kết hợp các khái niệm thuộc di sản Thần đạo truyền thống với các trải nghiệm bản thân về Phật giáo để hình thành nên Phật giáo bản địa Nhật Bản, thể hiện tình thương, lòng từ bi, đặc biệt là đối với những tầng lớp xã hội bị chà đạp, bị áp bức[31].

Tâm lý đại chúng Việt Nam và Nhật Bản đều có nét tương đồng với giáo lý Phật giáo khi lên án, xa lánh cái ác, ca ngợi, khuyên nhau làm điều lành, việc thiện.

Các Phật tử, thậm chí những người không phải Phật tử cũng hoạt động theo phương châm *"người người làm thiện, nhà nhà làm thiện"*[32].

Thứ hai, ở cả Việt Nam và Nhật Bản, chủ nghĩa dân tộc là một động lực to lớn, đã ảnh hưởng sâu sắc đến chiều hướng phát triển của các lực lượng tôn giáo, trong đó có Phật giáo.

Lịch sử Việt Nam đã thể hiện sức mạnh lớn lao của chủ nghĩa yêu nước trong cuộc đấu tranh xây dựng và bảo vệ tổ quốc. Lịch sử chứng kiến, Trần Quốc Tuấn của thời Trần thế kỷ XIII đề nghị vua Trần *"khoan thư sức dân"*, nuôi dưỡng sức dân, tranh thủ sự đồng tình của nhân dân là kế sâu rễ bền gốc, là điều kiện tiên quyết để giữ nước. Trong bối cảnh lịch sử liên tục bị ngoại xâm, nhân dân Việt Nam sớm hình thành ý thức về độc lập, tự chủ, bảo vệ toàn vẹn chủ quyền quốc gia.

Nguyễn Trãi viết "*Bình Ngô đại cáo"* khẳng định nền văn hiến của Đại Việt ta từ trước, núi sông bờ cõi đã chia, phong tục Bắc Nam cũng khác. Hồ Chí Minh trong Tuyên Ngôn độc lập cũng chỉ rõ: Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy.

Quan điểm *"đánh cho để răng đen, đánh cho để dài tóc"* của Quang Trung - Nguyễn Huệ[33] khiến các vua chúa triều Trần *"xuống chiếu cho quân và dân không được mặc áo, chải đầu theo người phương Bắc và bắt chước tiếng nói của các nước Chiêm, Lào"*[34], Trần Bình Trọng trong lúc cận kề cái chết vẫn khẳng định: *"Ta thà làm ma nước Nam chứ không thèm làm vương đất Bắc".*

Còn tại Nhật Bản, quan niệm "*Thiên hoàng và tổ quốc là trên tất cả*" bao giờ cũng là quan niệm cốt cán của lòng ái quốc. Các tôn giáo của Nhật luôn đề cao tinh thần quốc gia lên trên hết[35].

Thứ ba, văn hóa Việt Nam và Nhật Bản đều rất sáng tạo trong việc bản địa hóa những yếu tố văn hóa ngoại lai.

Đối với Việt Nam, trong quá trình tiếp nhận các học thuyết triết học, chính trị và tôn giáo từ bên ngoài vào, người Việt tiếp thu có chọn lọc những giá trị đạo đức *"từ, bi, hỷ, xả", "cứu nhân độ thế"* của Phật giáo, chuẩn mực đạo đức *"nhân - trí - dũng"* của Nho giáo, lối sống hòa hiếu và hòa hợp với thiên nhiên của Đạo giáo, tiếp nhận linh hoạt những giá trị có ích của văn hóa phương Tây, đồng thời biến đổi chúng cho phù hợp với lối sống của mình.

Người Việt không tiếp thu nguyên xi mà biết bản địa hóa, lĩnh hội và phát huy những cái hay, cái tiến bộ của từng tôn giáo trong cuộc sống, làm cho các tôn

giáo hỗ trợ, bổ sung mà không mâu thuẫn với nhau. Điều này bắt nguồn từ thái độ khoan dung, lối sống hài hòa và sự linh hoạt trong cách tiếp nhận văn hóa từ bên ngoài của người Việt[36].

Tương tự như ở Việt Nam, Nhật Bản cũng là quốc gia rất sáng tạo trong việc bản địa hóa những yếu tố văn hóa du nhập từ bên ngoài. Phật giáo Nhật Bản là sự tích hợp các yếu tố ngoại lai như: Phật giáo Triều Tiên, Trung Quốc với các yếu tố bản địa trên tinh thần khẳng định tôn giáo và đề cao dân tộc Nhật Bản.

4.2 Lý giải nguyên nhân khác biệt

Thứ nhất, do đặc trưng về địa lý, bối cảnh lịch sử, chính trị mà yếu tố dân tộc tồn tại trong hệ tư tưởng, nhận thức người Việt và người Nhật được thể hiện ở những góc độ và mức độ khác nhau. Mặc dù cả hai đều mang tinh thần dân tộc vô cùng rõ nét nhưng chính *"cái chất"* riêng của Việt Nam và Nhật Bản đã làm nên sự khác biệt trong tính dân tộc của Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử và Nhật Liên Tông.

Trải qua hàng ngàn năm phát triển gắn liền với nhiều cuộc chiến tranh xâm lược, ta có thể nhận định rằng tư tưởng dân tộc đặc thù của Việt Nam là tinh thần xây dựng một nhà nước độc lập, tự chủ và toàn vẹn lãnh thổ. Chính nhờ yếu tố nền tảng cốt lõi đó mà sự ra đời của Thiền Phái Trúc Lâm Yên Tử được coi là mốc son chói lọi đánh dấu sự thống nhất trong tư tưởng của Phật giáo với tinh thần dân tộc một cách sâu sắc.

Trong khi đó, do không phải chịu sự lệ thuộc từ bất cứ thế lực ngoại lai nào xuyên suốt quá trình phát triển cùng với những ảnh hưởng rõ ràng từ nét văn hóa quốc đảo đặc thù được xây dựng dựa trên sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa lý tưởng quốc gia với Phật đạo vào trong đời sống thế tục nên yếu tố dân tộc của Nhật Bản tồn tại trong Nhật Liên Tông lại được đánh giá theo một khía cạnh khác, đó là tinh thần dân tộc theo chiều hướng cứu tế, cứu độ nhân sinh, dấn thân vào đời sống thế tục, làm cho quốc gia trở nên tốt đẹp hơn.

Thứ hai, bối cảnh văn hóa được coi là một trong những nhân tố quan trọng chi phối đến sự khác biệt giữa Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử và Nhật Liên Tông.

Việt Nam là một quốc gia có nền văn hóa đặc thù bởi tính chất khoan dung, hài hòa. Tư tưởng này được phản chiếu qua nhiều lăng kính khác nhau, đặc biệt trong đó phải kể đến trường hợp tư tưởng *"Tam giáo đồng nguyên"* tức Nho, Phật, Đạo quy về một sự thống nhất chung trong đời sống tinh thần của người Việt. Mặc dù Nho giáo, Phật giáo và Đạo giáo được truyền bá vào nước ta ở những thời điểm khác nhau và bắt nguồn từ các quốc gia khác nhau nhưng

chúng vẫn cùng tồn tại và phát triển bên nhau, chung sống hòa bình với nhau và với những tín ngưỡng bản địa vốn có. Chính điều này đã thể hiện một tinh thần khoan dung tạo nên nét đặc trưng ưu mĩ nhất của nền văn hóa Việt từ xưa đến nay.

Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử được xem là một trong những minh chứng rõ nét nhất cho tư tưởng đó và nó đã kế thừa trọn vẹn những tinh hoa, cùng những giá trị cốt lõi từ nét đặc trưng văn hóa này để xây dựng cho mình một hệ thống tư tưởng, giáo lý mang đậm bản sắc văn hóa Việt Nam. Trong khi đó, về phía Nhật Bản, ta nhận thấy rằng, những nét đặc trưng trong tư tưởng, giáo lý của Nhật Liên Tông đã phản ánh chiều sâu và chịu ảnh hưởng rõ nét từ nền văn hóa và tính cách truyền thống của Nhật Bản. Đó là sự đề cao lòng trung thành với dân tộc từ yếu tố Thần đạo và tinh thần võ sĩ đạo, hay sự cứng cỏi, rành mạch trong việc bảo vệ cho một quan điểm, một lý tưởng duy nhất.

Thứ ba, trong lịch sử phát triển thì Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử phát triển hưng thịnh nhất dưới thời nhà Trần và bị suy yếu dần về sau, còn Nhật Liên Tông thì ngược lại, thời kì đầu ra đời thì vô cùng khó khăn nhưng càng về sau thì lại càng phát triển và để lại những ảnh hưởng to lớn cho đến tận bây giờ. Sự đối nghịch có thể lý giải thông qua nền tảng thành lập và quá trình kế thừa phát triển của mỗi tông phái.

Đối với Trúc Lâm Yên Tử, nền tảng thành lập là dưới sự bảo trợ của chính quyền do đó tông phái này phát triển dưới một hệ thống vô cùng quy củ và thống nhất từ trung ương đến địa phương. Vậy nên, khi thiếu đi sự nâng đỡ của các ông vua Phật tử, cộng thêm sự rối ren của thời đại thì nó bắt đầu bị suy yếu và mất đi vị trí quan trọng trong chính trị.

Thêm vào đó, quá trình truyền thừa của Thiền Trúc Lâm cũng bị đứt gãy sau khi nhà Trần suy vong. Trong khi đó, Nhật Liên Tông ra đời và phát triển dưới sự nuôi dưỡng của quần chúng nhân dân. Có lẽ bởi thế mà trải qua nhiều biến động thời đại, mặc dù có những ảnh hưởng nhất định nhưng tông phái này vẫn có sức sống bền bỉ và phát triển vô cùng mạnh mẽ. Mặt khác, Nhật Liên Tông được truyền thừa liên tục từ đời này sang đời khác đồng thời mở rộng phạm vi ảnh hưởng trên cả nước. Chính điều này đã làm cho Nhật Liên Tông giữ được "*lửa*" trong suốt quá trình phát triển dù gặp phải không ít những khó khăn.

Cuối cùng, có sự riêng biệt trong nội dung giáo lý và phương pháp tu tập của mỗi bên là do hướng tiếp cận Phật giáo ở những góc độ và khía cạnh khác nhau.

Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử lấy tư tưởng Thiền, Tịnh của Phật giáo làm kim chỉ nam cho tông phái của mình. Sự kết hợp này được ví như một bộ khung vững

chãi định hình cho Trúc Lâm Yên Tử xây dựng nội dung giáo lý, phương pháp tu tập sao cho phù hợp với bối cảnh và tính chất của dân tộc Việt. Trong khi đó, Nhật Liên Tông lại tiếp cận Phật giáo từ sự kế thừa những giá trị của Thiên Thai Tông trước đó và lấy Kinh Pháp Hoa làm yếu tố cốt lõi cho tư tưởng, học thuyết và giáo lý. Do đó, từ việc khai thác những giá trị của Phật giáo theo những khía cạnh khác nhau đã đưa đến những đặc trưng sinh hoạt Phật giáo riêng biệt ở hai giáo phái trên.

5. Kết luận

Như vậy, Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử và Nhật Liên Tông nổi bật lên như những viên ngọc sáng trong công cuộc nội địa hóa Phật giáo ở cả Việt Nam và Nhật Bản.

Thông qua việc vận dụng lý thuyết khúc xạ văn hóa, Phật giáo dấn thân cùng hệ thống lý thuyết về Kinh văn Đại thừa, chúng tôi đã chỉ ra một số nét tương đồng và dị biệt giữa Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử (Việt Nam) và Nhật Liên Tông (Nhật Bản), đồng thời đặt quá trình vận động và phát triển của mỗi tông phái trong bối cảnh lịch sử, chính trị, văn hóa đặc thù của hai quốc gia để lý giải nguyên nhân đưa đến những điểm giống và khác.

Thông qua kết quả nghiên cứu, đề tài này không chỉ đóng góp về mặt lý luận, làm cơ sở, tài liệu cho những nghiên cứu về so sánh văn hóa giữa Việt Nam và Nhật Bản mà còn có vai trò quan trọng về mặt thực tiễn, có thể đóng góp phần nào cho tiến trình đối thoại, thông hiểu và hợp tác sâu rộng giữa hai quốc gia Việt – Nhật.

Chú thích:

[1] Theo Huyền Cương (2019), Bối cảnh ra đời của dòng thiền Trúc Lâm Yên Tử, Tạp chí Nghiên cứu Phật học Số tháng 3. Truy cập từ:

https://tapchinghiencuuphathoc.vn/boi-canh-ra-doi-cua-dong-thien-truc-lam-yen-tu.html

[2] Hà Văn Tấn (1968), Cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Mông Nguyên thế kỷ XIII, Nxb Khoa học Xã hội.

[3] Theo Quan niệm tâm chính là Phật (*“tức tâm tức Phật”*). Truy cập từ: https://123docz.net/trich-doan/1312355-quan-niem-tam-chinh-la-phat-tuc-tam-tuc-phat.htm. Chúng tôi tâm đắc với nguồn tài liệu này vì nó đã diễn giải một cách sâu sắc và súc tích cho tính biện tâm của Trúc Lâm Yên Tử.

[4] Theo Thích Phước Đạt, Hoạt động hoằng pháp của phái Trúc Lâm trong tiến trình hình thành và phát triển Phật giáo Đại Việt. Truy cập từ: http://phatgiaobaclieu.com/hoat-dong-hoang-phap-cua-phai-truc-lam-ddts-thich-phuoc-dat/.

[5] Độ điệp là chứng thư của chính quyền làm thông hành cho tăng sĩ. Những tu sĩ nào có độ điệp đều được hưởng những điều kiện dễ dàng trong thời gian du hành, khảo cứu và tham bái các nơi. Có độ điệp thì đi đến chùa nào của môn phái cũng được tiếp đón, nghỉ chân và lo lắng chu toàn. Dẫn theo: Nguyễn Lang (1979), Việt Nam Phật giáo sử luận, Tập II, Chương XVII: Sinh hoạt của tăng đồ và cư sĩ, Nxb Văn học, Hà Nội. Truy cập từ: https://thuvienhoasen.org/p58a8432/chuong-xvii-sinh-hoat-cua-tang-do-va-cu-si.

[6] Nguyễn Lang (1979), Việt Nam Phật giáo sử luận, Tập II, Chương 12: Trần Nhân Tông và Thiền phái Trúc Lâm, Nxb Văn học, Hà Nội, tr. 232. Truy cập từ: https://thuvienhoasen.org/a8407/viet-nam-phat-giao-su-luan-tap-ii-nguyen-lang

[7] Sơ lược lịch sử Phật giáo Việt Nam - Chương 8: Tổng lược lịch sử Phật giáo vào thời nhà Trần (1225 - 1400) - III. Sự mất dấu của Phái thiền Trúc Lâm. Truy cập từ: http://www.daophatngaynay.com/vn/phatgiao-vn/lich-su/8356-So-luoc-lich-su-Phat-giao-Viet-Nam-Chuong-8-Tong-luoc-lich-su-Phat-giao-vao-thoi-nha-Tran-1225-1400-III-Su-mat-dau-cua-Phai-thien-Truc-Lam.html

[8] Như trên.

[9] Như trên.

[10] Theo Masaharu Anesaki (1916), Nichiren the buddhist prophet, Harvard University, tr. 7, 8, 9, 10.

[11] Theo Nguyên tác: Watanabe Hooyoo, Ootani Gyoko, Việt dịch: Thích Như Điển (2009), Nhật Liên Tông Nhật Bản, tr. 53, Chùa Viên Giác, Đức Quốc. Truy cập từ: https://viettang.net/xem-sach_nhat-lien-tong-nhat_cdpmdpq_PDF.html?pdf=yes

[12] Theo Nguyên tác: Watanabe Hooyoo, Ootani Gyoko, Việt dịch: Thích Như Điển (2009), Nhật Liên Tông Nhật Bản, tr. 44, 45, Chùa Viên Giác, Đức Quốc. Truy cập từ: https://viettang.net/xem-sach_nhat-lien-tong-nhat_cdpmdpq_PDF.html?pdf=yes

[13] Bách khoa toàn thư mở. Truy cập từ: https://vi.wikipedia.org/wiki/Ng%E1%BB%B1a_trong_chi%E1%BA%BFn_tranh_%E1%B

[14] Như trên.

[15] https://1thegioi.vn/nha-tran-kien-quyet-khong-lam-linh-danh-thue-cho-nguyen-mong-17142.html

[16] Nguyên tác: Watanabe Hooyoo, Ootani Gyoko, Việt dịch: Thích Như Điển (2009), Nhật Liên Tông Nhật Bản, tr. 53, Chùa Viên Giác, Đức Quốc. Truy cập từ: https://viettang.net/xem-sach_nhat-lien-tong-nhat_cdpmdpq_PDF.html?pdf=yes

[17] Huyền Cương (2019), Bối cảnh ra đời của dòng thiền Trúc Lâm Yên Tử, Tạp chí Nghiên cứu Phật học Số tháng 3. Truy cập từ: https://tapchinghiencuuphathoc.vn/boi-canh-ra-doi-cua-dong-thien-truc-lam-yen-tu.html

[18] Theo Masaharu Anesaki (1916), Nichiren the buddhist prophet, Harvard University, tr. 8.

[19] Theo Masaharu Anesaki (1916), Nichiren the buddhist prophet, Harvard University, tr. 9.

[20] Soka Gakkai (□□□□ - Sáng giá Học hội) là tổ chức pháp nhân tôn giáo độc lập thuộc Phật giáo Nichiren do hai nhà giáo Makiguchi Tsunesaburo (1871 - 1944) và Toda Josei (1900 - 1958) thành lập. Trích theo Nguyễn Ngọc Phương Trang (2018), Tổ chức Phật giáo Nhật Bản Soka Gakkai ở Chây Mỹ. Nguồn: http://cjs.inas.gov.vn/index.php?newsid=1336

[21] Rissho Kosei-kai (□□□□□ - Lập chính giảo thành hội) là một tổ chức bắt nguồn từ phái Phật giáo Nhật Liên, được thành lập vào năm 1938 bởi Nikkyo Niwano (1906 - 1999) và Myoko Naganuma (1889 - 1957). Trích theo Nguyễn Ngọc Phương Trang (2018), Vài nét về một số tổ chức tôn giáo mới của Nhật Bản ở khu vực Châu Mỹ, Trung tâm nghiên cứu Nhật Bản, Viện Nghiên cứu Đông Bắc Á. Nguồn: http://cjs.inas.gov.vn/index.php?newsid=1342#:~:text=Ngo%C3%A0i%20ra%2C%20

[22] Theo GS.TS Nguyễn Xuân Thắng - Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

[23] Giác Ngộ (2016), Giáo hôi Phật giáo Nhất Tông đời Trần. Truy cập từ: https://www.phatan.org/p251a3087/giao-hoi-phat-giao-nhat-tong-doi-tran

[24] Khuynh hướng tổng hợp, thống nhất giữa giáo tông và thiền tông được học giả Thích Nhất Hạnh (bút danh Nguyễn Lang) gọi là “Khuynh hướng thiền giáo nhất trí”.

[25] Thích Phước Đạt (2020), Tầm nhìn Trần Nhân Tông với học thuyết cư trần lạc đạo, Tạp chí Khoa học Đại học Huế: Khoa học Xã hội và Nhân văn, tr. 12. Truy cập từ: https://doi.org/10.26459/hueunijssh.v129i6E.5899

[26] Lê Mạnh Thát (2006), Toàn tập Trần Nhân Tông, Nxb Tổng Hợp TP. HCM, tr. 91. Truy cập từ: https://thuvienhoasen.org/images/file/Iaiz9OgP2AgQAI04/toan-tap-tran-nhan-tong-le- manh-that.pdf

[27] Nhật Liên Thánh Nhân. Truy cập từ: https://cungsonganvui.org/nhat-lien-thanh-nhan/

[28] Thích Hải Ấn, Vua Trần Nhân Tông và tinh thần "Bụt ở trong nhà". Truy cập từ: http://vncphathoc.com/print?url=/nghien-cuu/phat-giao-viet-nam/vua-tran-nhan-tong-va-tinh-than-but-o-trong-nha.html

[29] Nguyễn Thanh Tuấn (2009), Phật giáo với văn hóa Việt Nam và Nhật Bản qua một cách tham chiếu, Viện Văn hóa và Nxb Từ Điển Bách Khoa Hà Nội tr 204.

[30] Tường Diệu (2018), So sánh đặc trưng của Phật giáo Nhật Bản và Phật giáo Việt Nam. Truy cập từ: https://www.noron.vn/post/so-sanh-dac-trung-cua-phat-giao-nhat-ban-va-phat-giao-viet-nam-1tihas1282qx

[31] Nguyễn Thanh Tuấn (2009), Phật giáo với văn hóa Việt Nam và Nhật Bản qua một cách tham chiếu, Viện Văn hóa và Nxb Từ Điển Bách Khoa Hà Nội, tr. 210.

[32] Trần Thanh Thanh Tâm (2018), So sánh Phật giáo Nhật Bản và Phật giáo Việt Nam. Truy cập từ: https://www.noron.vn/post/so-sanh-phat-giao-nhat-ban-va-phat-giao-viet-nam-1tihas1282u3

[33] Nguyễn Thị Thùy Duyên (2020), Chủ nghĩa yêu nước và văn hóa bản địa của dân tộc Việt Nam đối với sự hình thành các chuẩn mực đạo đức của người Việt, Tạp chí Khoa học Đại học Văn Lang, tr. 22.

[34] Viện Khoa học Xã hội Việt Nam (1998), Đại Việt sử ký toàn thư, dịch theo bản khắc năm Chính Hòa thứ 18 (1697), tập 2, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 158.

[35] Thích Thiên Ân (tái bản năm 2018), Lịch sử tư tưởng Nhật Bản, Nxb Hồng Đức.

[36] Nguyễn Thị Thùy Duyên (2020), Chủ nghĩa yêu nước và văn hóa bản địa của dân tộc Việt Nam đối với sự hình thành các chuẩn mực đạo đức của người

Việt, Tạp chí Khoa học Đại học Văn Lang, tr. 23.

Tài liệu tham khảo:

Tài liệu tham khảo bằng tiếng Việt

1. Nguyên tác: Watanabe Hooyoo, Ootani Gyoko, Việt dịch: Thích Như Điển (2009), Nhật Liên Tông Nhật Bản, Chùa Viên Giác, Đức Quốc. Truy cập từ: https://viettang.net/xem-sach_nhat-lien-tong-nhat_cdpmdpq_PDF.html?pdf=yes

2. Huyền Cương (2019), Bối cảnh ra đời của dòng thiền Trúc Lâm Yên Tử, Tạp chí Nghiên cứu Phật học Số tháng 3. Truy cập từ: https://tapchinghiencuuphathoc.vn/boi-canh-ra-doi-cua-dong-thien-truc-lam-yen-tu.html

3. Hà Văn Tấn (1968), Cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Mông Nguyên thế kỷ XIII, Nxb Khoa học Xã hội.

4. Nguyễn Lang (1979), Việt Nam Phật giáo sử luận, Nxb Văn học, Hà Nội. Truy cập từ: https://thuvienhoasen.org/a8407/viet-nam-phat-giao-su-luan-tap-ii-nguyen-lang

5. Giác Ngộ (2016), Giáo hôi Phật giáo Nhất Tông đời Trần. Truy cập từ: https://www.phatan.org/p251a3087/giao-hoi-phat-giao-nhat-tong-doi-tran

6. Thích Phước Đạt (2020), Tầm nhìn Trần Nhân Tông với học thuyết cư trần lạc đạo, Tạp chí Khoa học Đại học Huế: Khoa học Xã hội và Nhân văn. Truy cập từ: https://doi.org/10.26459/hueunijssh.v129i6E.5899

7. Lê Mạnh Thát (2006), Toàn tập Trần Nhân Tông, Nxb Tổng Hợp TP. HCM. Truy cập từ: https://thuvienhoasen.org/images/file/Iaiz9OgP2AgQAI04/toan-tap-tran-nhan-tong-le- manh-that.pdf

8. Nguyễn Thanh Tuấn (2009), Phật giáo với văn hóa Việt Nam và Nhật Bản qua một cách tham chiếu, Viện Văn hóa và Nxb Từ Điển Bách Khoa Hà Nội.

9. Tường Diệu (2018), So sánh đặc trưng của Phật giáo Nhật Bản và Phật giáo Việt Nam. Truy cập từ: https://www.noron.vn/post/so-sanh-dac-trung-cua-phat-giao-nhat-ban-va-phat-giao-viet-nam-1tihas1282qx

10. Trần Thanh Thanh Tâm (2018), So sánh Phật giáo Nhật Bản và Phật giáo Việt Nam. Truy cập từ: https://www.noron.vn/post/so-sanh-phat-giao-nhat-ban-va-phat-giao-viet-nam-1tihas1282u3

11. Nguyễn Thị Thùy Duyên (2020), Chủ nghĩa yêu nước và văn hóa bản địa của dân tộc Việt Nam đối với sự hình thành các chuẩn mực đạo đức của người Việt, Tạp chí Khoa học Đại học Văn Lang.

12. Viện Khoa học Xã hội Việt Nam (1998), Đại Việt sử ký toàn thư, dịch theo bản khắc năm Chính Hòa thứ 18 (1697), tập 2, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
Thích Thiên Ân (tái bản năm 2018), Lịch sử tư tưởng Nhật Bản, Nxb Hồng Đức.

13. Thích Hải Ấn, Vua Trần Nhân Tông và tinh thần "Bụt ở trong nhà". Truy cập từ: http://vncphathoc.com/print?url=/nghien-cuu/phat-giao-viet-nam/vua-tran-nhan-tong-va-tinh-than-but-o-trong-nha.html.

Tài liệu tham khảo bằng tiếng Anh:

14. Gleig, A. Engaged Buddhism. Oxford Research Encyclopedia of Religion.

15. Masaharu Anesaki (1916), Nichiren the buddhist prophet, Harvard University.

16. Britannica, T. Editors of Encyclopaedia (2022, February 7). Sōka-gakkai. Encyclopedia Britannica. https://www.britannica.com/topic/Soka-gakkai.

17. Stone, J. I (2019). Tanaka Chigaku on "The Age of Unification". Pure Lands in Asian Texts and Contexts: An Anthology, ed. Georgios T. Halkias and Richard K. Payne, 631-660.

18. Naylor, C. (1991). Nichiren, imperialism, and the peace movement. Japanese Journal of Religious Studies, 51-78.
Lee, E. B. (1975). Nichiren and nationalism. The religious patriotism of Tanaka Chigaku. Monumenta Nipponica, 30(1), 19-35.

Tài liệu tham khảo bằng tiếng Nhật:

19. Mikio Matsuoka (2005), □□□□□□□□□□ - □□□□ (Sự phát triển tư tưởng xã hội của Phật giáo - tôn giáo Nichiren), Nxb Đại học Tokyo.

20. Mikio Matsuoka (2018), □□□□□□□□□□□□ (Nichiren Phật giáo và tư tưởng của Daisaku Ikeda), Nxb: Công ty Nền văn minh Thứ ba.

21. Haruo Suda (2016), □□□□□□□□ (Tư tưởng và đời sống của Nichiren), Nxb: Choeisha.

22. Hiroo Sato (2013), □□□□ (Phật giáo Kamakura), Nxb: Chikuma Shobo.

23. Masafumi Kubota (1967), □□ □□□□□□□ (Cuộc đời và tư tưởng của Nichiren), Nxb: Kodansha.

24. □□□□ (Trang Web của Nichiren Shoshu). Truy cập từ: https://www.nichirenshoshu.or.jp/jpn/index.html